

GIỚI THIỆU ĐẠI CƯƠNG KINH A DI ĐÀ

TK.Thích Nguyên Thành

---o0o---

Nguồn

<http://www.quangduc.com>

Chuyển sang ebook 16-8-2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

1. XUẤT XỨ KINH A DI ĐÀ VÀ Ý NGHĨA DANH HIỆU.
2. CẢNH GIỚI A DI ĐÀ (TỊNH ĐỘ)
3. PHÁP ÂM Ở CÔI TỊNH ĐỘ
4. CHÚNG SANH Ở CÔI TỊNH ĐỘ
5. SỰ THẬT CỦA VIỆC TRÌ NIỆM A DI ĐÀ:
6. KẾT LUẬN

---o0o---

Kinh A Di Đà là một bản kinh rất phổ biến được truyền tụng hàng ngày trong đời sống đạo của Phật tử ở các nước Viễn Đông châu Á, nhất là ở Việt Nam. Vị trí của kinh luôn luôn được xây dựng trên căn bản của niềm tin; và trong lòng người hành trì, kinh chính là con đường dẫn đến thế giới Tịnh độ - một thế giới không có khổ đau, không có sinh lão bệnh tử, thế giới của niềm phúc lạc vô biên. Để giúp độc giả tìm hiểu sâu vào bản chất của kinh, chúng tôi xin trân trọng trích và giới thiệu một phần luận văn diễn giải về kinh A Di Đà của tác giả Thích Nguyên Thành, cựu học tăng - Học viện PGVN .

---o0o---

1. XUẤT XỨ KINH A DI ĐÀ VÀ Ý NGHĨA DANH HIỆU

Kinh A Di Đà thuộc hệ tư tưởng Đại thừa, ra đời trong thời kỳ phát triển Đại thừa Phật giáo.

Kinh A Di Đà (tiểu bản Sukhàvatì - vyùha) là một bản toát yếu của Đại Vô Lượng Thọ Kinh (đại phẩm Sukhàvatì - vyùha), dịch từ Phạn bản qua

Hán bản. Bản kinh người viết dùng làm tư liệu tham khảo ở đây là bản dịch của Pháp sư Cưu Ma La Thập đời Diêu Tần, một trong toàn tập Tịnh Độ dịch từ năm 147 đến năm 713 sau Tây lịch.

Tập kinh Quán Vô Lượng Thọ (Amitayur - dhyàna Sutra) cho ta biết nguyên lai của giáo lý Tịnh độ do Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thuyết. A Xà Thế, Thái tử thành Vương Xá, nổi loạn chống lại vua cha là Tần Bà Sa La và hạ ngục nhà vua này; hoàng hậu cũng bị giam vào một nơi. Sau đó, hoàng hậu cầu thỉnh Đức Phật chỉ cho bà một chỗ tốt đẹp hơn, nơi không có những tai biến xảy ra như vậy. Đức Thế Tôn liền hiện thân trước mặt bà và thị hiện cho thấy tất cả các Phật độ và bà chọn quốc độ của Phật A Di Đà coi như tối hảo, Phật bèn dạy bà cách tụng niệm về quốc độ này để sau cùng được thác sinh vào đó. Ngài dạy bà bằng giáo pháp riêng của Ngài và đồng thời giảng giáo pháp của Phật A Di Đà. Cả hai giáo pháp cuối cùng chỉ là một, điều này ta có thể thấy rõ theo những lời Ngài dạy Tôn giả A Nan ở đoạn cuối của các bài pháp: "Này A Nan, hãy ghi nhớ bài thuyết pháp này và lặp lại cho đại chúng ở Kỳ Xà Quật nghe. Thuyết giáo này, ta gọi đây là kinh A Di Đà". Quan điểm đó của kinh Quán Vô Lượng Thọ như muốn nói lên giáo lý A Di Đà cùng nguồn gốc với giáo lý Nguyên thủy, đều do Đức Thế Tôn thuyết. (Các tông phái đạo Phật, bản dịch của Tuệ Sỹ, Tu thư Đại học Vạn Hạnh 1973, tr.329).

Danh hiệu A Di Đà dịch từ tiếng Phạn Amita hay Amitàyus hoặc Amitàbha, có nghĩa là Vô lượng, Vô lượng thọ, Vô lượng quang (ngoài ra, có nơi ghi thêm nghĩa: Cam lồ, Vô lượng thanh tịnh, Vô lượng công đức).

Danh từ Vô lượng, nếu miêu tả xét theo không gian, sẽ là Vô lượng quang; nếu trên cương vị thời gian, thì là Vô lượng thọ. Đây là Pháp thân (Dharma - kàya). Pháp thân này là Báo thân (Sambhoga - kàya) nếu Phật được coi như là đức Phật "giáng hạ thế gian". Nếu Ngài được coi như một Bồ Tát đang tiến lên Phật quả, thì Ngài là một vị Phật sẽ thành, như Bồ Tát Càn Khổ (Đức Phật Thích Ca Mâu Ni). Nói cách chính xác hơn, nếu chúng ta mô tả một vị Phật dựa trên căn bản giác ngộ viên mãn, chúng ta sẽ đi đến một lý tưởng về Phật, nghĩa là Vô lượng quang biểu tượng của trí tuệ giải thoát (Phật trí); Vô lượng thọ biểu tượng của đại định (tâm giải thoát), ở ngoài các vọng tưởng phân biệt. Ý nghĩa Vô lượng quang và Vô lượng thọ, và nhân cách giác ngộ của trí tuệ và từ bi vô cùng tận, tất cả chỉ giản dị là những giải thích về Vô lượng.

Theo kinh A Di Đà, Đức Phật A Di Đà đã ra đời cách đây "10 a tăng kỳ kiếp", có nghĩa là "từ lâu đời rồi" và có thể là nhắc tới hiện thân thứ 2 hay thứ 3 của Ngài, Phật nguyên thủy có thể là xa xưa hơn nữa, hiện nay Ngài đang thuyết pháp và sẽ còn tiếp tục thuyết pháp tại đó cho đến một tương lai lâu xa.

Mặt khác, "trong tương lai, khi kinh pháp mất hết, Như Lai cũng thương chúng sinh mà giữ kinh này thêm một trăm năm. Ai gặp được cũng thỏa nguyện. Và từ đó về sau, kinh này cũng không còn, chỉ còn lại 4 chữ A Di Đà Phật rộng độ quần sinh". (Đại tạng kinh bản chữ Vạn 150/36A trích dẫn). (Sđd, tr.362)

---o0o---

2. CẢNH GIỚI A DI ĐÀ (TỊNH ĐỘ)

* Đoạn 1:

a. Kinh văn:

"Thu Tử, quốc độ ấy vì lý do gì mệnh danh là Cực lạc? Vì người quốc độ ấy không có mọi sự khổ não, chỉ hưởng yên vui, nên mệnh danh là Cực lạc. Thu Tử, quốc độ Cực lạc chỗ nào cũng có lan can bảy lớp, lưới giăng bảy lớp, hàng cây bảy lớp, toàn bằng bốn chất liệu quý báu, bao quanh khắp cả, vì vậy quốc độ ấy tên là Cực lạc". (Sđd, tr.191 - 192).

b. Nghĩa biểu tượng:

Như chúng ta hiểu, ngôn ngữ Đại thừa phần lớn là ngôn ngữ biểu tượng nói lên thực tại vốn rời xa ngôn ngữ khái niệm của con người. Nói ở nước Cực lạc, không có mọi sự khổ não, không có tất cả sự lo nơi tâm và sự khổ nơi thân, chỉ hưởng yên vui, có vô lượng sự mừng và sự thanh tịnh là nói ở Cực lạc chúng sinh đã đoạn diệt khổ - khổ diệt là nghĩa Diệt đế hay Niết bàn.

Quan điểm này rõ ràng không rời xa truyền thống của giáo lý Nguyên thủy Phật giáo. Tại đây, bừng sáng lên rằng các tông phái Phật giáo đều trình bày Niết bàn theo cách: dẹp hết chấp thủ, vọng tưởng thì Niết bàn hiển lộ. Con đường đi đến Niết bàn ở Nikàya và A Hàm là đoạn trừ ái, thủ, vô minh hay đoạn trừ 10 kiết sử. Đó chỉ rỗng là công phu chuyển đổi vọng tâm mà không đặt vấn đề đến các pháp, hiện tượng giới này. Phải chăng đây là ý nghĩa mà Thế Tôn dạy trong Nikàya và A hàm: "Khi ta thanh tịnh, ta thấy thế giới thanh tịnh".

Như vậy, chúng sinh ở nước của Phật A Di Đà là đã hành xong hay gần xong phạm hạnh của Thanh Văn, và đang tu tập hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Chánh báo của chúng sinh Cực lạc (hàng Bất thối) là Vô sinh và Nhất sinh bổ xứ, nên cảnh giới y báo hẳn là thanh tịnh, trang nghiêm bằng bảy báu, biểu tượng cho những gì quý giá ở ngoài sinh diệt.

---o0o---

* Đoạn 2:

a. Kinh văn:

"Thu Tử, quốc độ Cực lạc chỗ nào cũng có cái hồ bằng bảy chất liệu quý báu, thứ nước đủ tám đặc tính tràn đầy trong đó. Đáy hồ trang rải toàn cát bằng vàng. Thềm và đường bốn phía đều do bạc, vàng, lưu ly, pha lê, bốn chất liệu quý báu như vậy hợp lại mà thành. Trên hồ có lầu đài, cũng dùng bạc, vàng, lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu và mã não mà trang hoàng. Hoa sen trong hồ lớn như bánh xe, màu xanh ánh ra sáng xanh, màu vàng ánh ra sáng vàng màu trắng ánh ra sáng trắng, nhiệm màu (*) hương khiết. Thu Tử, quốc độ Cực lạc thành tựu sự trang nghiêm như vậy" (Sđd. tr. 191 - 192).

b. Nghĩa biểu tượng:

Nước Cực lạc là nơi đã đoạn diệt khổ, nên chúng sinh đã và đang tiếp tục chứng đắc Thất giác chi: niệm, trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, định, xả (tượng trưng bằng bảy chất liệu quý báu), và Tám cảnh giới thiền định: Tứ thiền sắc giới và Tứ không (tượng trưng bằng thứ nước đủ tám đặc tính tràn đầy). Tại đó, chúng sinh đã chứng Tâm giải thoát hoàn toàn và đang tiến dần đến Tuệ giải thoát tối thượng (biểu tượng hoa sen nhiệm màu hương khiết, hương thơm vi diệu, ánh sáng chiếu sáng từ hoa sen). Do vì chứng đắc các quả vị ngang qua tu tập phạm hạnh (Giới, Định, Tuệ) nên chúng sinh được thác sinh về Cực lạc. Tại đây, chúng ta có thể phát biểu rằng, giáo lý Phật giáo luôn luôn "nhất quán", nhằm đưa đến mục đích sau cùng của đời sống phạm hạnh là đoạn tận ái, thủ, vô minh, giải thoát hết thảy các lậu hoặc. Nếu được khéo tu tập thì sẽ chuyển được khổ đau sinh tử thành giải thoát, Niết bàn ngay trong hiện tại (Ta bà bất ly đương xứ, Tịnh độ chỉ tại mục tiền), tất cả những gì thuộc công việc chuyên hóa đều có mặt trong chúng ta, tất cả đang chờ đợi sự tỉnh giác và quyết tâm của hành giả ngay từ hiện tại. Vì vậy, trọng điểm của công việc tu tập thất giác chi, thiền định hay hầu hết các kinh điển Nam tạng và Bắc tạng vẫn luôn đặt vào việc đoạn trừ tham ái hay đoạn trừ chấp thủ...

---o0o---

3. PHÁP ÂM Ở CÔI TỊNH ĐỘ

a. Kinh văn:

"Thu Tử, quốc độ Cực lạc thường có các loại chim lạ, đẹp, và màu sắc xen nhau, đại loại như bạch hạc, không tước, anh vũ, xá lợi, tần đà, cộng mạng. Những loại chim này, ngày đêm sáu buổi, kêu ra âm thanh nhịp điệu và tuyệt nhã. Âm thanh ấy diễn đạt năm căn bản, năm năng lực, bảy thành phần tuệ giác, tám thành phần đường chánh, các pháp đại loại như vậy. Người quốc độ Cực lạc nghe âm thanh ấy thì ai cũng nhớ nghĩ về Phật, nhớ nghĩ về Pháp, nhớ nghĩ về Tăng. Thu Tử, đừng bảo các loại chim này thật do nghiệp dữ kết quả mà có, vì quốc độ Cực lạc không có ba nẻo đường dữ. Thu Tử, quốc độ Cực lạc cái tên đường dữ còn không có, huống chi có cái thật đường dữ. Các loại chim này, toàn là Đức A Di Đà Phật muốn làm lan tràn âm thanh diệu pháp nên biến hiện ra. Thu Tử, quốc độ Cực lạc gió nhẹ thổi động những hàng cây và lưới giăng quý báu, phát ra âm thanh tuyệt diệu, tựa như trăm ngàn nhạc khí đồng thời hòa tấu. Ai nghe âm thanh ấy cũng tự nhiên sinh ra tâm trí nhớ nghĩ về Phật Pháp Tăng. Thu Tử, quốc độ Cực lạc thành tựu sự trang nghiêm như vậy". (Sđd, tr. 193 - 194).

b. Nghĩa biểu tượng:

Cảnh giới Cực lạc là cảnh giới của những tâm thức thanh tịnh và giải thoát nên các tiếng chim hót ở đó phải là tiếng lòng giải thoát. Đó là tiếng vọng của tâm thức đã, đang và sắp chứng thuần thực năm căn bản (tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn); năm năng lực (tín lực, tấn lực, niệm lực, định lực, tuệ lực); bảy thành phần tuệ giác (niệm, trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, định và xả); tám thành phần đường chánh (chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định); các pháp đại loại như vậy là cùng pháp số trên đây còn có lục độ vạn hạnh. Cũng nên biết, 4 pháp số trên là Bồ đề phần pháp (nhân tố và thành phần của tuệ giác), và tại quốc độ Ta bà này thì Bồ đề phần pháp, ngoài 4 pháp số trên còn có 3 pháp số nữa là: một, 4 đề tài mà sự nhớ nghĩ cư trú vào đó (tứ niệm xứ); hai, 4 nỗ lực chính xác (tứ chánh cần); ba, 4 chân đứng thân diệu (tứ như ý túc). Ba pháp số này cộng 4 pháp số trên thành 37 Bồ đề phần pháp mà nếu hợp lại thì thực thể có 9, là tuệ, tiến, định, tín, niệm, hỷ, xả, khinh an và vô biểu sắc. (Tục tạng kinh bản chữ Vạn 33/80B).

Di Đà đại bản nói, Bồ tát và Thanh văn có vị muốn nghe âm thanh thuyết pháp, có vị muốn nghe âm thanh âm nhạc, có vị muốn nghe hương thơm của hoa, có vị không muốn nghe âm thanh nào hết...; ai muốn nghe gì thì chỉ nghe thứ ấy, và ai không muốn nghe thì không nghe gì cả (Đại tạng kinh bản Đại chính tân tu 12/332) Tất cả các pháp lành trên là tiêu biểu cho Đạo đức,

và đang hướng đến Phật trí. Khi hành giả có Định và Tuệ thì sẽ thấy và nghe tiếng pháp Vô ngã khắp mọi nơi. Bấy giờ chim muôn, hoa lá, núi sông... đều nói pháp. Cũng vậy, ở nước Cực lạc, quê hương của Trí tuệ, gió chim đều tuyên giảng Đạo đế. Thực tại tính Di Đà thường xuyên thuyết chánh pháp nên chúng sinh ở đó có điều kiện để tăng trưởng trí tuệ, tăng trưởng khả năng ly dục và thành tựu rất ráo phạm hạnh...

---o0o---

4. CHÚNG SANH Ở CỠ TỊNH ĐỘ

a. Kinh văn:

"Thu Tử, Đức A Di Đà Phật có vô lượng đệ tử Thanh văn, toàn là A la hán, không phải toán số biết được. Đệ tử Bồ tát cũng tương đương như thế. Thu Tử, quốc độ Cực lạc thành tựu sự trang nghiêm như vậy. Thu Tử, người sinh quốc độ Cực lạc toàn là những bậc Không thoái chuyển, trong đó có nhiều vị Một đời thành Phật. Số này rất nhiều, toán số cũng không thể biết được, chỉ có thể đem cái số vô lượng vô số mà nói". (Sđd, tr. 195 - 196).

b. Nghĩa biểu tượng:

Nếu A Di Đà Phật là tự tánh thanh tịnh tâm, là biểu tượng của Giới đức, Định đức và Tuệ đức, thì chính 37 Bồ đề phần pháp đã giáo hóa chúng sinh đến các quả vị A la hán, Không thoái chuyển, Một đời thành Phật. Nếu chúng sinh có vô lượng vô biên, thì các quả vị thánh kia cũng vô biên vô lượng mà kinh A Di Đà nói là do Đức A Di Đà Phật giáo hóa. Cực lạc không có mọi yếu tố thiên nhiên và xã hội kích thích phát sinh phiền não hạnh nghiệp, mà toàn là những yếu tố trái lại. Chính điều này là lý do vì sao nên nguyện sinh Cực lạc. Sinh Cực lạc là được sống với thượng thiện nhân trong thiện xứ. Thì sự trở lại Ta bà hay du hóa mười phương chỉ là sự phân thân....

---o0o---

5. SỰ THẬT CỦA VIỆC TRÌ NIỆM A DI ĐÀ:

a. Kinh văn

"Thu Tử, như hiện thời Như Lai tán dương ích lợi những sự bất khả tư nghi của Đức A Di Đà Phật, các quốc độ phương Đông... phương Nam... phương Tây... phương Bắc... phương Dưới.. phương Trên... hằng hà sa số các đức Như Lai đại loại như vậy, đều ở nơi quốc độ của mình, đưa ra tướng lưỡi rộng dài, trùm khắp đại thiên quốc độ, nói lời thành thật như vậy: Các

người nên tin bản kinh tán dương những sự bất khả tư nghì, hết thầy chư Phật đều gìn giữ cho". (Sđd, tr.197 - 202).

b. Nghĩa biểu tượng

Đức Thích Tôn và chư Thế Tôn trong 10 phương thế giới đang đồng âm tán dương công đức vô lượng của Đức A Di Đà là ý nghĩa chư Thế Tôn tán thán con đường giải thoát Giới, Định, Tuệ. Vì Giới, Định, Tuệ là 3 mặt của thực tại, trong Giới có Định có Tuệ; trong Định có Giới có Định. Trong Tuệ có Giới có Định. Mức độ thăng hoa của một trong ba chi phần này có liên quan đến hai chi phần kia. Có Tuệ mới biết đâu là Giới, có Tuệ mới ổn định được tâm, càng thực hiện được Giới, tức càng thực hiện được các quy luật tự nhiên thì càng hiểu biết về thực tại, từ đó hiểu được tâm; ổn định tâm; có ổn định tâm thì tâm mới thanh tịnh, tâm thanh tịnh thì thế giới thanh tịnh. Đây chính là con đường mà truyền thống chư Phật trong ba đời hàng thuyết giảng trong mỗi thời pháp; cũng là con đường độc nhất đưa đến giải thoát sinh tử. Cho nên chúng sinh cầu nguyện về nước Cực lạc thì không thể cầu nguyện suông được mà phải là lời cầu nguyện cụ thể bằng hành động tu tập 37 phẩm trợ đạo, và ý nghĩa niệ danh hiệu A Di Đà là ý nghĩa hướng tâm vào Giới, Định, Tuệ...

---o0o---

6. KẾT LUẬN

Giáo lý kinh A Di Đà rất mực cụ thể vì đã trình bày cái chân lý tuyệt đối và phổ quát, từ đó có thể áp dụng trong mọi hình thái sinh hoạt của xã hội, kinh tế, văn hóa, giáo dục, chính trị... như đã trình bày ở các phần trước, kinh A Di Đà có thể trình bày vắn tắt vào các điểm sau:

1. Kinh diễn tả ý nghĩa danh hiệu A Di Đà: Vô lượng quang, Vô lượng thọ là trợ cho chân lý, cho trí tuệ, cho pháp thân Phật, cũng là ý nghĩa 10 lực của Đức Như Lai mà kinh tạng Nikàya thường nêu rõ. Ở đây, ý nghĩa lâu bền của chân lý, của Phật pháp, của giải thoát ... cũng cần được ngầm hiểu.

2. Cảnh giới Cực lạc của Phật A Di Đà là cảnh giới hòa bình, an lạc, thiện lành tuyệt đối, tượng trưng cho Niết bàn, vừa trở đến Niết bàn, tức Diệt đế. Từ đó ta phải hiểu rằng mọi hình thái sinh hoạt hằng ngày, suy rộng ra, từ Diệt đế, ta có thể phản suy để hiểu ngầm lời dạy về Khổ đế, Tập đế và từ đó tìm hiểu Đạo đế. Rõ ràng đây là giáo lý căn bản nhất của kinh điển Nguyên thủy.

3. Pháp môn niệm Phật là con đường thuận hợp với nhiều căn cơ chúng sinh; được xem là pháp môn chủ yếu trong kinh A Di Đà mà ta cũng tìm thấy trong các kinh Nikàya, nhất là trong Tăng Chi. Niệm Phật để được nhất tâm, đưa đến, tức niệm Phật là hành thiền, là phá chấp, là vô ngã, là thực hiện Bát chánh đạo, hay nói chung là tu tập 37 phẩm trợ đạo. Từ nội dung đầy ý nghĩa trên, ta có thể đi tìm một mẫu số chung, một nội dung lớn xuyên suốt bộ kinh A Di Đà: đó là sự nêu trở cái tâm, nhận biết tâm, tu sửa tâm, chứng ngộ tâm. Đó là ý nghĩa Tâm học của Phật giáo. Thật thế, qua kinh A Di Đà, Đức Vô lượng thọ, Vô lượng quang là trở cái tâm vô, cái tâm tuyệt đối, cái bản thể Như Lai tạng được triển khai, lớn mạnh và viên mãn. Đó là cái tâm nguyên thủy, rất mực thanh tịnh, giải thoát. Đó là tâm Phật vốn có trong một chúng sinh; mà vì chúng sinh còn mê muội, còn trôi lăn trong sinh tử luân hồi nên không thể hiện được cái tâm tuyệt đối vốn có của mình. Cái tâm tuyệt đối này được kinh A Di Đà dùng ngôn ngữ biểu tượng để tả một cảnh giới Cực lạc, đây là trở đến Niết bàn như đã nói. Thì ra tâm giải thoát là Niết bàn, không mang chút gì là ngã, ngã sở, do đó hạnh phúc viên mãn miên trường. Như đã nói, pháp môn niệm Phật chính là niệm tâm, là thiền định, đưa đến trí tuệ giải thoát. Niệm Phật A Di Đà là niệm cái tâm, Phật tính vốn có của mình, để chứng ngộ nó; và như thế ý nghĩa nhờ vào tha lực hay nhờ gia trì lực rốt lại cũng chính là tự lực, tự giải thoát. Đó là ý nghĩa của sự tự chứng thánh trí của kinh Lăng Già, vốn đã được Đức Phật khuyến dạy: "Hãy tự mình thấp đuốc lên mà đi".

-Chú thích: "Hoa sen mà nói nhiệm mầu là vì hoa ấy thực mà không chất ngại nhau, và hoa sinh người mà như thế thì người do hoa sinh là như thế, có thể biết được". (Tục tạng kinh bản chữ Vạn 108/333A. Phần sau của lời giải thích này là nói người sinh Cực lạc thì hóa sinh trong hoa sen ấy, "Chín phẩm hoa sen làm bậc cha mẹ", do vậy mà cơ thể người Cực lạc không có và có những gì cơ thể chúng ta có và không có) (Sđd, tr. 332)

Thích Nguyên Thành

---o0o---
Hết